



CENSUS • RECENSEMENT

Quan trọng: Tài liệu này chỉ để tham khảo.

Bảng câu hỏi Điều tra dân số năm 2026 phải được điền bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, trên mạng hoặc trên giấy.

Điều tra dân số năm 2026

2A-R Các câu hỏi và lý do các câu hỏi này được đặt ra

www.census.gc.ca

Giới thiệu

Cơ quan Thống kê Canada đã tạo ra nhiều định dạng cho những câu hỏi trên phiên bản in của bảng câu hỏi Điều tra dân số năm 2026. Tài liệu này không phải là một bảng câu hỏi Điều tra dân số năm 2026 chính thức, nhưng nó chứa một nội dung y trang. Số trang của các câu hỏi trong tài liệu này sẽ không trùng với số trang trên bảng câu hỏi chính thức.

Tài liệu này chỉ để tham khảo. Bạn có thể dùng tài liệu này để làm quen với nội dung của bảng câu hỏi Điều tra dân số năm 2026; tuy nhiên, bạn phải nộp các câu trả lời cho Cơ quan Thống kê Canada qua mạng tại www.census.gc.ca với mã truy cập bảo mật mà đã được cung cấp cho bạn trong thư bưu điện, hoặc bằng cách hoàn tất bảng câu hỏi trên giấy và gửi qua đường bưu điện. Nếu bạn chọn cách điền bảng câu hỏi trên giấy, xin vui lòng viết các câu trả lời bằng chữ viết hoa.

Tài liệu này gồm có hai phần sau đây:

Phần 1

Phần đầu tiên chứa các câu hỏi có trên phiên bản in của bảng câu hỏi Điều tra dân số năm 2026 đầy đủ. Mọi thông tin đều được thu thập theo thẩm quyền của *Đạo luật Thống kê (Statistics Act)*, R.S.C. 1985, c. S-19.

Phần 2

Phần 2 chứa các lý do tại sao Cơ quan Thống kê Canada đặt ra các câu hỏi này và nêu ra các yêu cầu quan trọng về dữ liệu mà các câu hỏi phải đáp ứng.

Thông điệp từ Thống kê trưởng của Canada

Cảm ơn bạn đã tham gia cuộc Điều tra dân số năm 2026. Những thông tin mà bạn cung cấp sẽ được sử dụng để tạo ra những số liệu thống kê mà các cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp và chính phủ sẽ dựa vào để thành lập các dịch vụ, phát triển các chương trình, và đưa ra các quyết định sáng suốt về việc làm, chăm sóc trẻ em, trường học, chăm sóc sức khỏe, v.v.

Các câu trả lời của bạn sẽ được thu thập theo thẩm quyền của *Đạo luật Thống kê* và được bảo mật tuyệt đối. Theo quy định của pháp luật, tất cả các hộ gia đình đều phải hoàn thành bảng câu hỏi Điều tra dân số năm 2026.

Cơ quan Thống kê Canada đã tham khảo các nguồn thông tin hiện có, chẳng hạn như các dữ liệu về nhập cư, thuế thu nhập và phúc lợi, để giảm gánh nặng trả lời cho các hộ gia đình.

Cơ quan Thống kê Canada có thể sẽ sử dụng những thông tin mà bạn cung cấp cho các mục đích thống kê và nghiên cứu khác hoặc có thể kết hợp chúng với các nguồn dữ liệu khảo sát hoặc hành chính khác.

Hãy góp mặt vào bức chân dung thống kê của Canada — xin hoàn tất bảng câu hỏi điều tra dân số ngay hôm nay.

Xin cảm ơn,

André Loranger
Thống kê trưởng của Canada

Phần 1

2A-R Các câu hỏi Điều tra dân số năm 2026

Bước A

1. Số điện thoại của bạn là gì?

Trường điền vào: Số điện thoại

Tùy chọn trả lời: Không có số điện thoại

2. Địa chỉ của nơi cư ngụ này là gì?

Trường điền vào: Số nhà (và hậu tố, nếu có)

Ví dụ: 302, 151 B, 16 1/2

Trường điền vào: Tên đường, loại đường, hướng

Ví dụ: DR = “Drive” hay N = “North” (Bắc)

Trường điền vào: Số căn hộ hoặc đơn vị

Trường điền vào: Thành phố, khu đô thị, thị trấn, làng hoặc khu bảo tồn của người First Nations

Trường điền vào: Tỉnh bang hoặc vùng lãnh thổ

Trường điền vào: Mã bưu chính

3. Địa chỉ nhận thư của nơi cư ngụ này là gì, nếu khác với địa chỉ trên?

Trường điền vào: Địa chỉ gửi thư

Ví dụ: Tuyến đường nông thôn, Hộp thư bưu điện, Giao hàng chung

Bước B

Cần phải liệt kê những ai ở Bước B

- Tất cả những ai có nơi cư trú chính tại địa chỉ này vào ngày 12 tháng 5 năm 2026, bao gồm trẻ sơ sinh, bạn cùng phòng và những người đang tạm thời vắng mặt
- Những công dân Canada, người nhập cư thường trú (thường trú nhân), người đã xin tư cách tị nạn (người xin tị nạn), người từ một nước khác mà có giấy phép làm việc hoặc du học và các thành viên gia đình của họ sống ở đây
- Những người đang sống tạm thời ở địa chỉ này vào ngày 12 tháng 5 năm 2026 mà không có nơi cư trú chính ở nơi nào khác.

Những người có nhiều nơi cư trú phải được kê ở đâu

- CON CÁI THUỘC QUYỀN ĐỒNG GIÁM HỘ phải được liệt kê tại nhà của phụ huynh nào mà chúng ở thường xuyên nhất. Con cái sống với cha và mẹ với lượng thời gian như nhau phải được liệt kê tại nhà của phụ huynh nào mà chúng ở cùng vào ngày 12 tháng 5 năm 2026.
- HỌC SINH HAY SINH VIÊN nào mà sẽ trở về sống với cha mẹ trong năm phải được liệt kê tại địa chỉ của cha mẹ, kể cả khi họ sống ở nơi khác trong thời gian đi học hoặc đi làm trong hè.
- NGƯỜI PHỐI NGÃU HOẶC BẠN ĐỜI SỐNG CHUNG HỢP PHÁP ĐANG TẠM THỜI VẮNG MẶT hiện đang sống ở nơi khác để đi làm hoặc đi học phải được liệt kê tại nơi cư trú chính của gia đình họ, nếu họ thường quay về.
- NGƯỜI ĐANG SỐNG TRONG MỘT CƠ SỞ trong khoảng thời gian dưới 6 tháng (ví dụ như tại viện dưỡng lão, bệnh viện hoặc nhà tù) phải được liệt kê tại nơi cư trú thường xuyên của họ.

1. Gồm cả bạn, có bao nhiêu người thường sống tại địa chỉ này vào ngày 12 tháng 5 năm 2026?

Tính tất cả những ai mà có nơi cư trú chính tại địa chỉ này, ngay cả khi họ đang tạm thời vắng mặt.

Trường điền vào: Số người

2. Tính cả bạn, hãy liệt kê tất cả những ai thường sống tại địa chỉ này vào ngày 12 tháng 5 năm 2026.

Quan trọng: Bắt đầu danh sách với một người trưởng thành rồi sau đó, nếu phù hợp, đến người phối ngẫu hoặc bạn đời sống chung hợp pháp của người đó rồi đến con cái của họ. Tiếp tục kê hết tất cả những người khác thường sống tại địa chỉ này.

Trường điền vào: Người số 1: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 2: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 3: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 4: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 5: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 6: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 7: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 8: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 9: Họ, tên

Trường điền vào: Người số 10: Họ, tên

Bước C

Bạn có bỏ qua bất kỳ ai trong Bước B vì bạn không rõ có nên liệt kê người đó không?

Ví dụ như học sinh/sinh viên, con cái thuộc quyền đồng giám hộ, người nào đang tạm thời vắng mặt, người nào đang tạm trú ở đây, cư dân từ một nước khác mà có giấy phép làm việc hoặc du học, người xin tị nạn, v.v.

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Có → Vui lòng tham khảo hướng dẫn ở trang 3 để xem người này có nên được liệt kê hay không. Nếu nên liệt kê, vui lòng ghi thêm họ vào bước B.

Bước D

Hãy viết các tên ở Bước B vào câu hỏi số 1 ở đầu trang 4. (Sự đề cập này chỉ áp dụng cho bảng câu hỏi trên giấy)

Xin viết theo đúng thứ tự.

Nếu hộ gia đình này có hơn 5 người, hãy kê 5 người đầu tiên trên bảng câu hỏi này và tiếp tục kê thêm trên một bảng câu hỏi thứ hai. Hãy điền người thứ 6 vào cột được đánh dấu "NGƯỜI SỐ 3" trên

bảng câu hỏi thứ hai. Nếu bạn cần thêm một bảng câu hỏi, nhân viên điều tra dân số có thể cung cấp khi họ quay lại.

Nếu địa chỉ này là:

Tùy chọn trả lời 1: một NƠI CƯ TRÚ PHỤ (ví dụ như nhà nghỉ dưỡng) của TẤT CẢ NHỮNG AI mà đã ở tại đây vào ngày 12 tháng 5 năm 2026 (tất cả những người này đều phải có địa chỉ cư trú chính ở một nơi khác trong Canada), hãy chọn lựa chọn này. Không trả lời các câu hỏi khác.

Tùy chọn trả lời 2: một NƠI CƯ NGỰ MÀ CHỈ CÓ NHỮNG CƯ DÂN CỦA NƯỚC KHÁC ĐẾN THĂM CANADA Ở (ví dụ như những người đang đi du lịch hoặc đi công tác), hãy chọn lựa chọn này. Không trả lời các câu hỏi khác.

Tùy chọn trả lời 3: NHÀ CỦA MỘT ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ CỦA MỘT NƯỚC KHÁC (ví dụ như một đại sứ hoặc cao ủy) và gia đình họ, hãy chọn lựa chọn này. Không trả lời các câu hỏi khác.

Một người đại diện điều tra dân số sẽ trở lại để thu thập bảng câu hỏi đã hoàn thành.

Thông tin nhân khẩu

1. Tên (chỉ áp dụng cho bảng câu hỏi trên giấy)

Ở những chỗ trống đã cho sẵn, hãy viết các tên theo đúng thứ tự như trong Bước B. Sau đó xin trả lời các câu hỏi sau đây cho từng người.

Trường điền vào: Họ

Trường điền vào: Tên

Các câu hỏi sau đây hỏi về hoàn cảnh của từng người vào ngày 12 tháng 5 năm 2026, trừ khi có hướng dẫn khác.

2. Ngày sinh và tuổi của người này gì?

Nếu không biết ngày sinh chính xác, hãy cho biết ước tính chính xác nhất. Đối với trẻ em dưới 1 tuổi, hãy viết 0 tuổi.

Trường điền vào: Ngày

Trường điền vào: Tháng

Trường điền vào: Năm

Trường điền vào: Tuổi

3. Giới của người này là gì?

Giới nói về sự cảm nhận cá nhân và xã hội của một người là đàn ông (hay bé trai), đàn bà (hay bé gái), hay một người mà không nhất định là đàn ông (hay bé trai) hay đàn bà (hay bé gái), thí dụ như người phi nhị giới, vô giới, linh hoạt giới, nghi hoặc giới hoặc song giới.

Tùy chọn trả lời 1: Đàn ông (hay bé trai)

Tùy chọn trả lời 2: Đàn bà (hay bé gái)

Trường điền vào: Hoặc vui lòng nêu rõ giới của người này

4. Giới tính khi sinh của người này là gì?

Giới tính khi sinh là giới tính được ghi trên giấy khai sinh đầu tiên của một người. Nó được xác định dựa trên hệ thống sinh sản và các đặc điểm thể chất khác của người đó.

Tùy chọn trả lời 1: Nam

Tùy chọn trả lời 2: Nữ

5. Người này có mối quan hệ gì với Người số 1?

Sống chung hợp pháp (Common-law) là trường hợp hai người sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có kết hôn, bất kể mối quan hệ của họ đã được bao lâu.

Người số 1

Không cần trả lời cho Người số 1

Người số 2

Tùy chọn trả lời 1: Vợ/chồng đã kết hôn của Người số 1

Tùy chọn trả lời 2: Bạn đời sống chung hợp pháp của Người số 1

Tùy chọn trả lời 3: Con của Người số 1 và một người khác cùng sống tại địa chỉ này

Tùy chọn trả lời 4: Con của riêng Người số 1 (chọn nếu không có phụ huynh hợp pháp nào khác của người này sống tại địa chỉ này)

Tùy chọn trả lời 5: Con kế của Người số 1

Tùy chọn trả lời 6: Cha mẹ của Người số 1

Tùy chọn trả lời 7: Cháu gọi Người số 1 là ông/bà

Tùy chọn trả lời 8: Vợ/chồng hoặc bạn đời của con của Người số 1

Tùy chọn trả lời 9: Cha mẹ của vợ/chồng hoặc bạn đời của Người số 1

Tùy chọn trả lời 10: Anh chị em ruột của Người số 1

Tùy chọn trả lời 11: Con nuôi của Người số 1

Tùy chọn trả lời 12: Bạn cùng phòng, người ở trọ hay thuê trọ của Người số 1

Trường điền vào: Có mối quan hệ khác—xin nêu rõ

Ví dụ: vợ/chồng cũ hoặc bạn đời cũ

Những người số 3-5

Tùy chọn trả lời 1: Vợ/chồng đã kết hôn của Người số 1

Tùy chọn trả lời 2: Bạn đời sống chung hợp pháp của Người số 1

Tùy chọn trả lời 3: Con của Người số 1 và Người số 2

Tùy chọn trả lời 4: Con của Người số 1 và một người khác cùng sống tại địa chỉ này

Tùy chọn trả lời 5: Con của riêng Người số 1 (chọn nếu không có phụ huynh hợp pháp nào khác của người này sống tại địa chỉ này)

Tùy chọn trả lời 6: Con kế của Người số 1

Tùy chọn trả lời 7: Cha mẹ của Người số 1

Tùy chọn trả lời 8: Cháu gọi Người số 1 là ông/bà

Tùy chọn trả lời 9: Vợ/chồng hoặc bạn đời của con của Người số 1

Tùy chọn trả lời 10: Cha mẹ của vợ/chồng hoặc bạn đời của Người số 1

Tùy chọn trả lời 11: Anh chị em ruột của Người số 1

Tùy chọn trả lời 12: Con nuôi của Người số 1

Tùy chọn trả lời 13: Bạn cùng phòng, người ở trọ hay thuê trọ của Người số 1

Trường điền vào: Có mối quan hệ khác—xin nêu rõ

Ví dụ: vợ/chồng cũ hoặc bạn đời cũ

Câu hỏi số 6 và 7 chỉ dành cho những người từ 15 tuổi trở lên (sinh trước ngày 12 tháng 5 năm 2011).

6. Tình trạng hôn nhân của người này là gì?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Chưa bao giờ kết hôn hợp pháp

Tùy chọn trả lời 2: Đã kết hôn hợp pháp (và chưa ly thân)

Tùy chọn trả lời 3: Đã ly thân, nhưng vẫn còn kết hôn hợp pháp

Tùy chọn trả lời 4: Đã ly hôn

Tùy chọn trả lời 5: Góa

7. Người này có đang sống với một người bạn đời sống chung hợp pháp không?

Sống chung hợp pháp là trường hợp hai người sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có kết hôn, bất kể mối quan hệ của họ đã được bao lâu.

Tùy chọn trả lời 1: Có

Tùy chọn trả lời 2: Không

8. Người này có nói được tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tốt đến mức có thể trò chuyện không?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Chỉ nói được tiếng Anh

Tùy chọn trả lời 2: Chỉ nói được tiếng Pháp

Tùy chọn trả lời 3: Cả tiếng Anh và tiếng Pháp

Tùy chọn trả lời 4: Không nói được cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp

9. a) Người này thường xuyên nói (những) ngôn ngữ gì ở nhà?

Tùy chọn trả lời 1: Tiếng Anh

Tùy chọn trả lời 2: Tiếng Pháp

Trường điền vào: (Những) ngôn ngữ khác—xin nêu rõ

Nếu người này chỉ kê một ngôn ngữ ở câu hỏi 9. a), xin chuyển đến câu hỏi số 10.

9. b) Trong số các ngôn ngữ này, người này thường nói ngôn ngữ nào nhất ở nhà?

Chỉ kê nhiều ngôn ngữ nếu chúng được nói ở mức như nhau ở nhà.

Tùy chọn trả lời 1: Tiếng Anh

Tùy chọn trả lời 2: Tiếng Pháp

Trường điền vào: Ngôn ngữ khác—xin nêu rõ

10. Người này đã học ngôn ngữ nào đầu tiên ở nhà lúc bé mà vẫn còn hiểu được?

Nếu người này không còn hiểu được ngôn ngữ đầu tiên, xin cho biết ngôn ngữ thứ hai đã học được.

Tùy chọn trả lời 1: Tiếng Anh

Tùy chọn trả lời 2: Tiếng Pháp

Trường điền vào: Ngôn ngữ khác—xin nêu rõ

Các câu hỏi sau đây thu thập thông tin theo *Hiến Chương về Quyền và Tự Do của Canada* (Canadian Charter of Rights and Freedoms) để hỗ trợ các chương trình giáo dục bằng tiếng Anh và tiếng Pháp tại Canada.

11. Nơi cư ngụ này có nằm trong Quebec không?

Tùy chọn trả lời 1: Không → Tiếp tục trả lời câu hỏi số 12

Tùy chọn trả lời 2: Có → Chuyển đến câu hỏi số 15

12. Người này có học tiểu học hay trung học bằng tiếng Pháp ở Canada (bao gồm chương trình tăng cường (immersion)) không?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Có (đã học trước đây hoặc đang học)

Tùy chọn trả lời 2: Không → Chuyển đến câu hỏi số 17

13. Chương trình học bằng tiếng Pháp này là ở thể loại nào?

Tùy chọn trả lời 1: Một chương trình tiếng Pháp chính quy trong một trường tiếng Pháp

Tùy chọn trả lời 2: Một chương trình tiếng Pháp tăng cường trong một trường tiếng Anh → Chuyển đến câu hỏi số 17

Tùy chọn trả lời 3: Cả hai thể loại

Trường điền vào: Thể loại khác—xin nêu rõ

14. Người này đã theo học một chương trình tiếng Pháp chính quy trong một trường tiếng Pháp ở Canada trong bao nhiêu năm?

Trường điền vào: Số năm học tiểu học (bao gồm mẫu giáo và sơ trung) → Chuyển đến câu hỏi số 17

Trường điền vào: Số năm học trung học → Chuyển đến câu hỏi số 17

15. Người này có học tiểu học hay trung học tại một trường tiếng Anh ở Canada (bao gồm chương trình tăng cường) không?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Có (đã học trước đây hoặc đang học)

Tùy chọn trả lời 2: Không → Chuyển đến câu hỏi số 17

16. Người này đã học tại một trường tiếng Anh ở Canada (bao gồm chương trình tăng cường) trong bao nhiêu năm?

Trường điền vào: Số năm học tiểu học (bao gồm mẫu giáo)

Trường điền vào: Số năm học trung học

Các hoạt động sinh hoạt hàng ngày

Câu hỏi sau đây hỏi về những khó khăn mà một người có thể gặp khi thực hiện một số hoạt động nhất định. Chỉ tính những khó khăn hay tình trạng dài hạn mà đã kéo dài hoặc dự kiến sẽ kéo dài từ 6 tháng trở lên.

17. a) Người này có bất kỳ khó khăn gì với thị lực (ngay cả khi đeo kính hoặc kính áp tròng) không?

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Đôi khi

Tùy chọn trả lời 3: Thường khi

Tùy chọn trả lời 4: Luôn luôn

17. b) Người này có bất kỳ khó khăn gì với thính lực (ngay cả khi sử dụng thiết bị trợ thính) không?

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Đôi khi

Tùy chọn trả lời 3: Thường khi

Tùy chọn trả lời 4: Luôn luôn

17. c) Người này có bất kỳ khó khăn gì với việc đi lại, lên xuống cầu thang, dùng bàn tay hoặc ngón tay hoặc thực hiện các hoạt động thể lực khác không?

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Đôi khi

Tùy chọn trả lời 3: Thường khi

Tùy chọn trả lời 4: Luôn luôn

17. d) Người này có bất kỳ khó khăn gì với việc học, ghi nhớ hoặc tập trung không?

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Đôi khi

Tùy chọn trả lời 3: Thường khi

Tùy chọn trả lời 4: Luôn luôn

17. e) Người này có bất kỳ tình trạng sức khỏe cảm xúc, tâm lý hay tinh thần (thí dụ như lo âu, trầm cảm, rối loạn lưỡng cực, lạm dụng chất gây nghiện, biếng ăn, v.v.) nào không?

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Đôi khi

Tùy chọn trả lời 3: Thường khi

Tùy chọn trả lời 4: Luôn luôn

17. f) Người này có bất kỳ vấn đề sức khỏe hay tình trạng lâu dài nào khác mà đã kéo dài hoặc dự kiến sẽ kéo dài từ 6 tháng trở lên không?

Không tính: bất kỳ vấn đề sức khỏe nào mà đã được kê trong các câu hỏi từ 17. a) đến 17. e) ở trên.

Tùy chọn trả lời 1: Không
Tùy chọn trả lời 2: Đôi khi
Tùy chọn trả lời 3: Thường khi
Tùy chọn trả lời 4: Luôn luôn

Sức khỏe tổng quát

Câu hỏi sau đây hỏi về tình trạng sức khỏe tổng quát của các thành viên trong hộ gia đình này.

18. Nhìn chung, sức khỏe của người này thế nào?

Sức khỏe ở đây không chỉ nói riêng về tình trạng không có bệnh tật hoặc thương tích mà còn bao gồm cả sức khỏe thể chất, tinh thần và xã hội.

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Tuyệt vời
Tùy chọn trả lời 2: Rất tốt
Tùy chọn trả lời 3: Tốt
Tùy chọn trả lời 4: Khá tốt
Tùy chọn trả lời 5: Kém

Thông tin xã hội-văn hóa

19. Người này sinh ra ở đâu?

Chỉ chọn một lựa chọn, theo ranh giới hiện tại.

Sinh ra ở Canada

Tùy chọn trả lời 1: Newfoundland and Labrador
Tùy chọn trả lời 2: Prince Edward Island
Tùy chọn trả lời 3: Nova Scotia
Tùy chọn trả lời 4: New Brunswick

Tùy chọn trả lời 5: Quebec
Tùy chọn trả lời 6: Ontario
Tùy chọn trả lời 7: Manitoba
Tùy chọn trả lời 8: Saskatchewan
Tùy chọn trả lời 9: Alberta
Tùy chọn trả lời 10: British Columbia
Tùy chọn trả lời 11: Yukon
Tùy chọn trả lời 12: Northwest Territories
Tùy chọn trả lời 13: Nunavut

Sinh ra ở ngoài Canada

Trường điền vào: Xin nêu rõ quốc gia nào

20. Cha mẹ của người này sinh ra ở đâu?

Xin nêu rõ các quốc gia nơi sinh, theo biên giới hiện tại.

Tùy chọn trả lời 1: Cả hai cha mẹ đều sinh ra ở Canada
Tùy chọn trả lời 2: Cả hai cha mẹ đều sinh ra ở ngoài Canada
Trường điền vào: Xin nêu rõ quốc gia nơi sinh của từng người
Tùy chọn trả lời 3: Một người sinh ra ở Canada VÀ một người sinh ra ở ngoài Canada
Trường điền vào: Xin nêu rõ quốc gia nơi sinh ngoài Canada

Nếu người này sống trong một khu bảo tồn của người First Nations, hãy chuyển đến câu hỏi số 22.

21. a) Người này có phải là công dân Canada không?

“Công dân nhập tịch Canada” là người nhập cư được cấp quốc tịch Canada theo *Đạo luật Quyền công dân (Citizenship Act)*.

Tùy chọn trả lời 1: Có, là công dân Canada khi sinh
Tùy chọn trả lời 2: Có, là công dân nhập tịch Canada
Tùy chọn trả lời 3: Không, không phải là công dân Canada

21. b) Người này có phải là công dân của một quốc gia khác Canada không?

Xin nêu rõ tất cả các quốc gia có quốc tịch.

Tùy chọn trả lời 1: Không có quốc tịch ở quốc gia nào khác
Tùy chọn trả lời 2: Có, các quốc gia khác có quốc tịch
Trường điền vào: Xin nêu rõ các quốc gia có quốc tịch

22. Người này có thể nói được (những) ngôn ngữ nào, ngoài tiếng Anh hay tiếng Pháp, tốt đến mức có thể trò chuyện?

Nếu phù hợp, hãy kê cả ngôn ngữ ký hiệu.

Ví dụ về các ngôn ngữ Bản Xứ: Innu (Montagnais), Nehiyawewin (Plains Cree), Mi'kmaq, Oji-Cree, Denesuline, Inuktitut, Mohawk, Michif, Secwepemctsin (Shuswap), Stoney, Gitksan (Gitksan), Kwak'wala (Kwakiutl), v.v.

Tùy chọn trả lời: Không ngôn ngữ nào khác

HOẶC

Trường điền vào: (Những) ngôn ngữ khác—xin nêu rõ

23. Nguồn gốc sắc tộc hoặc văn hóa của tổ tiên của người này là gì?

Tổ tiên là những người mà người này là hậu duệ (ông bà, cụ kị, v.v.)

Tổ tiên có thể có:

- Nguồn gốc bản địa (ví dụ: First Nations, Cree, Inuit, Ojibway, Mi'kmaq, Métis, Dene, Oji-Cree, Plains Cree, Innu/Montagnais, Blackfoot, Saulteaux, Woodland Cree, Atikamekw, Inuvialuit, Algonquin, Anishinaabe, Dakota, Gitksan, Denesuline [Chipewyan], Secwepemc [Shuswap]), hoặc
- nguồn gốc từ các quốc gia khác nhau (ví dụ: Scotland, Philippines, Mexico, Nigeria), hoặc

-
- các nguồn gốc khác mà không nhất thiết là từ các quốc gia khác nhau (ví dụ: Québécois, Do Thái, Tamil).

Để xem những thí dụ về nguồn gốc sắc tộc hoặc văn hóa, hãy truy cập www12.statcan.gc.ca/ancestry

Trường điền vào: Xin kê bằng chữ in hoa càng nhiều nguồn gốc càng tốt

24. Người này có phải là người First Nations, Métis, hay Inuk (Inuit) không?

Ghi chú: Người First Nations bao gồm những cá nhân có Quy chế và không có Quy chế.

Nếu "Có", hãy chọn (các) lựa chọn chính xác nhất về người này hiện nay.

Tùy chọn trả lời 1: Không, không phải là người First Nations, Métis hay Inuk (Inuit)

HOẶC

Tùy chọn trả lời 2: Có, là người First Nations

Tùy chọn trả lời 3: Có, là người Métis

Tùy chọn trả lời 4: Có, là người Inuk (Inuit)

Câu hỏi số 25 thu thập thông tin để hỗ trợ cho các chương trình nhằm thúc đẩy cơ hội bình đẳng cho mọi dân chúng để tất cả cùng nhau tận hưởng đời sống xã hội, văn hóa và kinh tế của Canada.

25. Nhóm dân số nào là chính xác nhất đối với người này?

Hãy chọn tất cả các nhóm phù hợp hoặc nêu rõ một nhóm khác nếu cần thiết.

Tùy chọn trả lời 1: Người da trắng

Tùy chọn trả lời 2: Người Nam Á (ví dụ: Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka)

Tùy chọn trả lời 3: Người First Nations, Métis hay Inuk (Inuit)
Tùy chọn trả lời 4: Người Hoa
Tùy chọn trả lời 5: Người da đen
Tùy chọn trả lời 6: Người Philippin
Tùy chọn trả lời 7: Người Ả Rập
Tùy chọn trả lời 8: Người Mỹ Latin
Tùy chọn trả lời 9: Người Đông Nam Á (ví dụ: Việt Nam, Campuchia, Lào, Thái Lan)
Tùy chọn trả lời 10: Người Tây Á (ví dụ: Iran, Afghanistan)
Tùy chọn trả lời 11: Người Hàn Quốc
Tùy chọn trả lời 12: Người Nhật Bản
Trường điền vào: Hoặc vui lòng nêu rõ một nhóm khác

26. Người này có phải là một người Da đỏ có Quy chế (Status Indian) (người Đã đăng ký (Registered) hoặc Da đỏ theo Hiệp ước (Treaty Indian) như đã quy định trong Đạo luật về Người Da đỏ (Indian Act) của Canada) không?

Thuật ngữ "người Da đỏ" được dùng trong câu hỏi này với mục đích là một thuật ngữ pháp lý trong luật hiện hành.

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Có, là người Da đỏ có Quy chế (Đã đăng ký hoặc theo Hiệp ước)

27. Người này có phải là thành viên của một bộ tộc First Nation không?

Bao gồm các bộ tộc First Nations tự trị.

Nếu "Có", của bộ tộc First Nation nào?

Thí dụ như Westbank First Nation, Atikamekw của Manawan, bộ tộc Red Rock Indian.

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Có, là thành viên của một bộ tộc First Nation

Trường điền vào: Xin nêu rõ tên của bộ tộc First Nation này

28. Người này có phải là thành viên đã đăng ký hay công dân của một chính phủ, tổ chức hay Khu định cư (Settlement) người Métis không?

Nếu "Có", chính phủ, tổ chức hay Khu định cư người Métis nào?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Có, là thành viên đã đăng ký hay công dân của một chính phủ, tổ chức hay Khu định cư người Métis

Tên của chính phủ, tổ chức hay Khu định cư người Métis

Tùy chọn trả lời 1: Métis Nation of Ontario

Tùy chọn trả lời 2: Manitoba Métis Federation

Tùy chọn trả lời 3: Métis Nation — Saskatchewan

Tùy chọn trả lời 4: Métis Nation of Alberta (Chính quyền Otipemisiwak Métis)

Tùy chọn trả lời 5: Métis Nation British Columbia

Trường điền vào: Hoặc nêu rõ tổ chức Métis hay Khu định cư Métis của Alberta nào

29. Người này có tên trong, hoặc có phải là một người thụ hưởng của, một thỏa thuận yêu cầu đất đai của người Inuit không?

Vui lòng nêu rõ thỏa thuận, thay vì tên của tổ chức đại diện. Ví dụ, hãy chọn "Nunavut Agreement" (Thỏa thuận Nunavut) thay vì tổ chức Nunavut Tunngavik Incorporated (NTI).

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Có

Thỏa thuận yêu cầu đất đai của người Inuit nào?

Tùy chọn trả lời 1: Inuvialuit Final Agreement

Tùy chọn trả lời 2: Nunavut Agreement (Nunavut Land Claims Agreement)

Tùy chọn trả lời 3: James Bay and Northern Quebec Agreement (Nunavik)

Tùy chọn trả lời 4: Labrador Inuit Land Claims Agreement (Nunatsiavut)

Trường điền vào: Hoặc nêu rõ thỏa thuận yêu cầu đất đai của người Inuit:

Tôn giáo

30. Người này đi theo tôn giáo nào?

Hãy nêu rõ một giáo phái hoặc tôn giáo cụ thể ngay cả khi người này hiện không phải là một thành viên đang thực hành tôn giáo đó.

Ví dụ, Công giáo La Mã, Anh giáo, Tâm linh truyền thống (người Bản địa của Bắc Mỹ), Giáo hội Thống nhất, Ngũ Tuần, Báp-tít, Giáo hội Moravian, Giáo hội Luther, Giáo hội Trưởng lão, Cứu Thế Quân, Longhouse, Nhân chứng Giê-hô-va, Hồi giáo, v.v.

Để xem thêm thí dụ về các giáo phái và tôn giáo, hãy truy cập www12.statcan.gc.ca/religion-e

Trường điền vào: Chỉ ghi một giáo phái hoặc tôn giáo

HOẶC

Tùy chọn trả lời: Không theo tôn giáo nào

Kinh nghiệm trong quân đội Canada

31. Người này có từng phục vụ trong quân đội Canada không?

Không kể kinh nghiệm phục vụ ở tư cách Học viên (chương trình dành cho thanh thiếu niên).

Nếu “Có”, xin đánh dấu vào các lực lượng thích hợp (ví dụ: Lực lượng chính quy, Lực lượng dự bị).

Tùy chọn trả lời 1: Có, hiện đang phục vụ trong quân đội Canada

Đang phục vụ trong lực lượng nào?

Tùy chọn trả lời 1: Lực lượng chính quy

Tùy chọn trả lời 2: Lực lượng dự bị

Trường điền vào: Xin nêu rõ lực lượng khác

Tùy chọn trả lời 2: Có, nhưng không còn phục vụ trong quân đội Canada nữa

Đã phục vụ trong lực lượng nào?

Tùy chọn trả lời 1: Lực lượng chính quy

Tùy chọn trả lời 2: Lực lượng dự bị

Trường điền vào: Xin nêu rõ lực lượng khác

Tùy chọn trả lời 3: Chưa từng phục vụ trong quân đội Canada

Sự di chuyển

32. Người này đã sống ở đâu 1 năm trước đây, tức là, vào ngày 12 tháng 5 năm 2025?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Ghi chú: Đối với những ai chọn lựa chọn thứ 4:

Xin nêu rõ cộng đồng, khu đô thị hoặc khu bảo tồn của người First Nations thay vì tên của bộ tộc First Nation.

Ví dụ:

- Lac Brochet 197A, Manitoba, thay vì Northlands Denesuline First Nation
- Wabamun 133A, Alberta, thay vì Paul First Nation
- Fort Providence, Northwest Territories, thay vì Deh Gáh Got'ie Dene First Nation
- Fort Hope 64, Ontario, thay vì Eabametoong First Nation
- Mingan, Quebec, thay vì Les Innus de Ekuanitshit.

Tùy chọn trả lời 1: Sinh ra sau ngày 12 tháng 5 năm 2025

Tùy chọn trả lời 2: Đã sống tại cùng địa chỉ như hiện tại

Tùy chọn trả lời 3: Đã sống tại một địa chỉ khác trong cùng thành phố, khu đô thị, thị trấn, làng hoặc

khu bảo tồn của người First Nations

Tùy chọn trả lời 4: Đã sống tại một thành phố, khu đô thị, thị trấn, làng hoặc khu bảo tồn của người First Nations khác trong Canada

Trường điền vào: Xin nêu rõ tên của thành phố, khu đô thị, thị trấn, làng hoặc khu bảo tồn của người First Nations nơi cư trú 1 năm trước đây

Trường điền vào: Tỉnh bang hoặc vùng lãnh thổ

Trường điền vào: Mã bưu chính

Tùy chọn trả lời 5: Đã sống ở bên ngoài Canada

Trường điền vào: Xin nêu rõ quốc gia nơi cư trú 1 năm trước đây

33. Người này đã sống ở đâu 5 năm trước đây, tức là, vào ngày 12 tháng 5 năm 2021?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Ghi chú: Đối với những ai chọn lựa chọn thứ 4:

Xin nêu rõ cộng đồng, khu đô thị hoặc khu bảo tồn của người First Nations thay vì tên của bộ tộc First Nation.

Ví dụ:

- Lac Brochet 197A, Manitoba, thay vì Northlands Denesuline First Nation
- Wabamun 133A, Alberta, thay vì Paul First Nation
- Fort Providence, Northwest Territories, thay vì Deh Gáh Got'ie Dene First Nation
- Fort Hope 64, Ontario, thay vì Eabametoong First Nation
- Mingan, Quebec, thay vì Les Innus de Ekuanitshit.

Tùy chọn trả lời 1: Sinh sau ngày 12 tháng 5, 2021

Tùy chọn trả lời 2: Đã sống tại cùng địa chỉ như hiện tại

Tùy chọn trả lời 3: Đã sống tại một địa chỉ khác trong cùng thành phố, khu đô thị, thị trấn, làng hoặc khu bảo tồn của người First Nations

Tùy chọn trả lời 4: Đã sống tại một thành phố, khu đô thị, thị trấn, làng hoặc khu bảo tồn của người First Nations khác trong Canada

Trường điền vào: Xin nêu rõ tên của thành phố, khu đô thị, thị trấn, làng hoặc khu bảo tồn của người First Nations nơi cư trú 5 năm trước đây

Trường điền vào: Tỉnh bang hoặc vùng lãnh thổ

Trường điền vào: Mã bưu chính

Tùy chọn trả lời 5: Đã sống ở bên ngoài Canada

Trường điền vào: Xin nêu rõ quốc gia nơi cư trú 5 năm trước đây

Vô gia cư

34. Xét về những trải nghiệm vô gia cư, trong 12 tháng qua, người này có từng phải sống trong nơi trú ẩn, trên đường phố hay trong công viên, trong nơi trú ẩn tạm thời, trong xe hay trong một tòa nhà bỏ hoang không?

Tùy chọn trả lời 1: Có

Tùy chọn trả lời 2: Không

35. Xét về những thách thức khác trong vấn đề nhà ở, trong 12 tháng qua, người này có từng phải sống tạm thời với bạn bè, gia đình hoặc những người khác vì họ không có nơi nào khác để ở không?

Hãy tính cả những trường hợp phải ở tạm thời khi người này không có đủ khả năng để đảm bảo chỗ ở cố định cho riêng mình (đang gặp khó khăn về tài chính, chạy thoát khỏi sự ngược đãi, mới bị đuổi khỏi nhà, v.v.).

Không tính các kỳ nghỉ, đi thăm gia đình hoặc các kỳ nghỉ ngắn hạn tự nguyện khác.

Tùy chọn trả lời 1: Có

Người này hiện có phải là đang sống tạm thời tại hộ gia đình này vì họ không có nơi nào khác để ở không?

Tùy chọn trả lời 1: Có

Tùy chọn trả lời 2: Không

Tùy chọn trả lời 2: Không

Các câu hỏi từ số 36 đến 59 chỉ dành cho những người từ 15 tuổi trở lên (sinh trước ngày 12 tháng 5 năm 2011).

Câu hỏi này thu thập thông tin về xu hướng tình dục để cung cấp thông tin cho các chương trình nhằm thúc đẩy cơ hội bình đẳng cho mọi dân chúng trong Canada để tất cả cùng nhau tận hưởng đời sống xã hội, văn hóa và kinh tế của đất nước này.

36. Xu hướng tình dục của người này là gì?

Xu hướng tình dục nói về cách một người mô tả về sự hấp dẫn về tình dục của mình.

Tùy chọn trả lời 1: Dị tính (tức là thẳng)

Tùy chọn trả lời 2: Đồng tính nữ hay đồng tính nam

Tùy chọn trả lời 3: Song tính hoặc toàn tính

Trường điền vào: Hoặc vui lòng nêu rõ xu hướng tình dục của người này

Giáo dục

37. Người này có bằng tốt nghiệp trung học hoặc một bằng tương đương không?

Bao gồm các bằng cấp đã lấy được ở trong hoặc ngoài Canada.

Ví dụ về những chứng chỉ tương đương với bằng trung học là Phát triển Giáo dục Tổng quát (GED) và Giáo dục Cơ bản cho Người lớn (ABE).

Bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ cấp trung học

Tùy chọn trả lời 1: Có, bằng tốt nghiệp trung học

Tùy chọn trả lời 2: Có, chứng chỉ tương đương với bằng trung học

Tùy chọn trả lời 3: Không

38. a) Người này có chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp của một chương trình Học nghề Có đăng ký hay nghề chuyên môn nào khác không?

Bao gồm các bằng cấp đã lấy được ở trong hoặc ngoài Canada.

Hãy chọn các lựa chọn phù hợp.

Ví dụ: làm tóc, nấu ăn, thợ điện, thợ mộc.

Chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp của chương trình Học nghề Có đăng ký hay nghề chuyên môn khác

Tùy chọn trả lời 1: Có, Chứng chỉ Học nghề hoặc Chứng chỉ Năng lực (cấp Journeyperson (Thợ lành nghề))

Tùy chọn trả lời 2: Có, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của nghề chuyên môn khác

Tùy chọn trả lời 3: Không

38. b) Người này có chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp của một trường cao đẳng, CEGEP, hay trường ngoài đại học nào khác không?

Bao gồm các bằng cấp đã lấy được ở trong hoặc ngoài Canada.

Không tính những chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp đã nêu trong câu hỏi số 38. a) ở trên.

Hãy chọn các lựa chọn phù hợp.

Ví dụ như hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, thực thi pháp luật, công nghệ thông tin, dịch vụ thanh thiếu niên, trợ giảng, công nghệ lâm nghiệp.

Chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp của một trường cao đẳng, CEGEP, hay trường ngoài đại học khác

Tùy chọn trả lời 1: Có, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của một chương trình dưới 3 tháng

Tùy chọn trả lời 2: Có, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của một chương trình từ 3 tháng đến dưới 1 năm

Tùy chọn trả lời 3: Có, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của một chương trình từ 1 năm đến dưới 2 năm

Tùy chọn trả lời 4: Có, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của một chương trình 2 năm

Tùy chọn trả lời 5: Có, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của một chương trình trên 2 năm

Tùy chọn trả lời 6: Không

38. c) Người này có chứng chỉ, bằng tốt nghiệp hay bằng cấp đại học không?

Bao gồm các bằng cấp đã lấy được ở trong hoặc ngoài Canada.

Hãy chọn các lựa chọn phù hợp.

Chứng chỉ, bằng tốt nghiệp hay bằng cấp đại học

Tùy chọn trả lời 1: Có, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đại học dưới bậc cử nhân

Tùy chọn trả lời 2: Có, bằng cử nhân (ví dụ như B.A., B.A.(Hons.), B.Sc., B.Ed., LL.B.)

Tùy chọn trả lời 3: Có, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đại học trên bậc cử nhân
Tùy chọn trả lời 4: Có, bằng y khoa, nha khoa, thú y hay nhãn khoa (M.D., D.D.S.,
D.M.D., D.V.M., O.D.)
Tùy chọn trả lời 5: Có, bằng thạc sĩ (ví dụ như M.A., M.Sc., M.Ed., M.B.A.)
Tùy chọn trả lời 6: Có, bằng tiến sĩ (ví dụ như Ph.D.)
Tùy chọn trả lời 7: Không

39. Ngành học chính của chứng chỉ, bằng tốt nghiệp hay bằng cấp cao nhất mà người này đã hoàn thành là gì?

Vui lòng nêu cụ thể.

Ví dụ, cơ khí ô tô, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, điều dưỡng, kỹ thuật cầu đường, vận hành thiết bị hạng nặng, giáo dục ấu nhi, khoa học chính trị.

Xin viết in hoa như sau:

COMPUTER ENGINEERING TECHNOLOGY
(CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN)

Trường điền vào: Ngành học chính của chứng chỉ, bằng tốt nghiệp hay bằng cấp cao nhất

HOẶC

Tùy chọn trả lời: Không có chứng chỉ, bằng tốt nghiệp hay bằng cấp nào cao hơn cấp trung học → Chuyển đến câu hỏi số 41 a)

40. Người này đã lấy được chứng chỉ, bằng tốt nghiệp hay bằng cấp cao nhất ở tỉnh bang, vùng lãnh thổ hay quốc gia nào?

Trường điền vào: Ở Canada—xin nêu rõ ở tỉnh bang hoặc vùng lãnh thổ nào

HOẶC

Trường điền vào: Bên ngoài Canada—xin nêu rõ quốc gia nào

41. a) Vào bất kỳ thời điểm nào giữa tháng 9 năm 2025 và tháng 5 năm 2026, người này có theo học ở một trường, chẳng hạn như ở trường trung học, cao đẳng, CEGEP hoặc đại học, không?

Chỉ tính những môn học mà có thể được dùng làm tín chỉ để lấy được chứng chỉ, bằng tốt nghiệp hoặc bằng cấp. Bao gồm cả những môn học từ xa để lấy tín chỉ.

Theo học vào bất kỳ thời điểm nào giữa tháng 9 năm 2025 và tháng 5 năm 2026

Tùy chọn trả lời 1: Có → Tiếp tục trả lời câu hỏi tiếp theo

Tùy chọn trả lời 2: Không, không theo học vào bất kỳ thời điểm nào giữa tháng 9 năm 2025 và tháng 5 năm 2026 → Chuyển đến câu hỏi số 42

41. b) Người này đã theo học ở trường nào?

Hãy chọn các lựa chọn phù hợp.

Vào bất kỳ thời điểm nào giữa tháng 9 năm 2025 và tháng 5 năm 2026

Tùy chọn trả lời 1: Đã theo học ở trường tiểu học, sơ trung hoặc trung học

Tùy chọn trả lời 2: Đã theo học ở trường cao đẳng, CEGEP, trường thương mại, trường kỹ thuật, trường dạy nghề hoặc trường ngoài đại học khác

Tùy chọn trả lời 3: Đã theo học đại học

Các hoạt động trên thị trường lao động

Ghi chú: Nhiều câu hỏi sau đây hỏi về tuần lễ từ Chủ Nhật, mùng 3 tháng 5 đến thứ Bảy, mùng 9 tháng 5 năm 2026.

42. Trong tuần lễ từ Chủ Nhật, mùng 3 tháng 5 đến thứ Bảy, mùng 9 tháng 5 năm 2026, người này đã dành bao nhiêu giờ để đi làm công ăn lương hoặc tự kinh doanh?

Vui lòng ghi tổng số giờ đi làm công ăn lương hoặc tự kinh doanh tại tất cả các công việc đã nắm giữ trong tuần lễ từ mùng 3 tháng 5 đến mùng 9 tháng 5 năm 2026.

Không tính số giờ:

- nghỉ làm vì bệnh, đi nghỉ hay vì bất kỳ lý do nào khác.

Tính số giờ:

- làm việc để nhận thù lao, lương, tiền boia hoặc hoa hồng
- làm tăng ca
- làm, bán hoặc buôn bán tác phẩm nghệ thuật và đồ thủ công
- điều hành một doanh nghiệp
- bắn thú, săn bắn và đánh cá (trừ trường hợp như hoạt động tiêu khiển)
- sửa thiết bị dùng để đi săn, đánh cá hoặc bắn thú
- làm hướng dẫn viên.

Trường điền vào: Số giờ (làm tròn đến giờ gần nhất) → Chuyển đến câu hỏi số 45

HOẶC

Tùy chọn trả lời: Không giờ nào → Tiếp tục trả lời câu hỏi tiếp theo

43. Trong tuần lễ từ mừng 3 tháng 5 đến mừng 9 tháng 5 năm 2026, người này có bị tạm thời cho nghỉ việc hoặc đã vắng mặt tại công việc hay doanh nghiệp của họ không?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Không, đã nghỉ hưu

Tùy chọn trả lời 3: Có, bị tạm thời cho nghỉ việc với dấu hiệu sẽ được gọi lại trong vòng 6 tháng tới

Tùy chọn trả lời 4: Có, đã vắng mặt vì đi nghỉ, bị bệnh, đang đình công hoặc bị phong tỏa, hoặc vì lý do khác

44. Lần cuối cùng mà người này đã đi làm công ăn lương hoặc tự kinh doanh, dù chỉ trong vài ngày, là khi nào?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Trong năm 2026 → Tiếp tục trả lời câu hỏi tiếp theo

Tùy chọn trả lời 2: Trong năm 2025 → Tiếp tục trả lời câu hỏi tiếp theo

Tùy chọn trả lời 3: Trước năm 2025 → Chuyển đến câu hỏi số 51

Tùy chọn trả lời 4: Chưa bao giờ → Chuyển đến câu hỏi số 51

Ghi chú: Các câu hỏi từ số 45 đến 50 hỏi về công việc hoặc doanh nghiệp của người này trong tuần lễ từ mừng 3 tháng 5 đến mừng 9 tháng 5 năm 2026. Nếu người này đã không có việc làm, hãy trả lời cho công việc nào kéo dài nhất kể từ mừng 1 tháng 1 năm 2025. Nếu người này đã làm nhiều công việc, hãy trả lời cho công việc nào họ làm nhiều giờ nhất.

45. Người này đã làm việc ở đâu?

Hãy ghi tên đầy đủ của công ty, doanh nghiệp, cơ quan hay bộ phận của chính phủ, hay cá nhân. Đối với những người tự kinh doanh, hãy ghi tên của doanh nghiệp của họ. Nếu doanh nghiệp đó không có tên, hãy ghi "self-employed" (tự kinh doanh).

Xin viết in hoa như sau:

Tên công ty, bộ phận của chính phủ, v.v.

ABC CONCRETE PRODUCTS LIMITED

Trường điền vào: Xin nêu rõ người này đã làm việc ở đâu

46. Đó là loại hình doanh nghiệp, ngành công nghiệp hay dịch vụ nào?

Ví dụ, quản lý bộ tộc, cảnh sát, đánh cá hoặc bắn thú, trường tiểu học, trung tâm y tế cộng đồng, công ty vận tải hàng hóa, nghệ sĩ độc lập, cửa hàng tạp hóa, v.v.

Trường điền vào: Loại hình doanh nghiệp, ngành công nghiệp hay dịch vụ

47. Người này đã làm công việc hoặc nghề nghiệp gì?

Ví dụ, nhân viên thư ký hội viên, cảnh sát viên, thợ đánh cá hoặc thợ bắn thú, giáo viên tiểu học, y tá cộng đồng, tài xế xe tải, thợ thủ công, nhân viên cửa hàng, v.v.

Trường điền vào: Nghề nghiệp

48. Trong công việc này, các nhiệm vụ chính của người này là gì?

Ví dụ, đăng ký các thành viên bộ tộc, thực thi pháp luật, đánh bắt và làm sạch cá hoặc lột da động vật, dạy lớp 2, điều trị bệnh nhân, lái xe tải, chạm khắc đá hoặc gỗ, xử lý máy tính tiền, v.v.

Trường điền vào: Các nhiệm vụ chính

Ghi chú: Các câu hỏi từ số 49 đến 50 hỏi về công việc hoặc doanh nghiệp của người này trong tuần lễ từ mùng 3 tháng 5 đến mùng 9 tháng 5 năm 2026. Nếu người này đã không có việc làm, hãy trả lời cho công việc nào kéo dài nhất kể từ mùng 1 tháng 1 năm 2025. Nếu người này đã làm nhiều công việc, hãy trả lời cho công việc nào họ làm nhiều giờ nhất.

49. Người này đã làm nhân viên hay tự kinh doanh?

Nếu người này đã làm nhiều công việc, hãy trả lời cho công việc nào họ làm nhiều giờ nhất. Nếu người này đã không có việc làm trong tuần lễ từ mùng 3 tháng 5 đến mùng 9 tháng 5 năm 2026, hãy trả lời cho công việc nào kéo dài nhất kể từ mùng 1 tháng 1 năm 2025.

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Nhân viên - Chức vụ cố định (không có ngày kết thúc cố định) → Chuyển đến câu hỏi số 51

Tùy chọn trả lời 2: Nhân viên - Chức vụ có thời hạn (từ 1 năm trở lên) → Chuyển đến câu hỏi số 51

Tùy chọn trả lời 3: Nhân viên - Chức vụ tạm thời, theo mùa hoặc ngắn hạn (dưới 1 năm) → Chuyển đến câu hỏi số 51

Tùy chọn trả lời 4: Người giúp việc gia đình không có lương (không được trả lương hoặc tiền công) cho vợ/chồng hoặc cho người thân trong doanh nghiệp hoặc nông trại gia đình → Chuyển đến câu hỏi số 51

Tùy chọn trả lời 5: Tự kinh doanh và không có nhân viên ăn lương (độc lập hoặc hợp tác với người khác)

Tùy chọn trả lời 6: Tự kinh doanh và có nhân viên ăn lương (độc lập hoặc hợp tác với người khác)

50. Nông trại hoặc doanh nghiệp của người này có được đăng ký thành lập không?

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Có

Các câu hỏi từ số 51 đến 53 là dành cho những người từ 15 tuổi trở lên mà đã không làm việc trong tuần lễ từ mừng 3 tháng 5 đến mừng 9 tháng 5 năm 2026. Nếu người này là 65 tuổi hoặc già hơn, đã trả lời "Không, đã nghỉ hưu" ở câu hỏi số 43 và "Trước năm 2025" ở câu hỏi số 44, hãy chuyển đến câu hỏi số 60.

51. Người này có tìm kiếm việc làm có lương trong 4 tuần lễ từ ngày 12 tháng 4 đến ngày 9 tháng 5 năm 2026 không?

Ví dụ, người này có liên lạc với một trung tâm việc làm, hỏi các nhà tuyển dụng, đăng hoặc trả lời quảng cáo trên mạng, v.v. không?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Có, đã tìm công việc toàn thời gian → Chuyển đến câu hỏi số 53

Tùy chọn trả lời 3: Có, đã tìm việc làm bán thời gian (dưới 30 giờ một tuần) → Chuyển đến câu hỏi số 53

52. Trong tuần lễ từ mừng 3 tháng 5 đến mừng 9 tháng 5 năm 2026, người này đã có thỏa thuận chắc chắn để bắt đầu một công việc mới trong vòng 4 tuần tiếp theo không?

Tùy chọn trả lời 1: Không

Tùy chọn trả lời 2: Có

53. Người này có thể bắt đầu một công việc mới trong tuần lễ từ Chủ Nhật, mừng 3 tháng 5 đến Thứ Bảy, mừng 9 tháng 5 năm 2026, nếu đã tìm được việc làm không?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Có, đã có thể bắt đầu một công việc mới
Tùy chọn trả lời 2: Không, đã có việc làm
Tùy chọn trả lời 3: Không, vì bệnh tật hoặc khuyết tật
Tùy chọn trả lời 4: Không, vì trách nhiệm cá nhân hoặc gia đình
Tùy chọn trả lời 5: Không, vì đi học
Tùy chọn trả lời 6: Không, vì các lý do khác

Ghi chú: Câu hỏi 54. a) và 54. b) hỏi về công việc hoặc doanh nghiệp của người này trong tuần lễ từ mùng 3 tháng 5 đến mùng 9 tháng 5 năm 2026. Nếu người này đã không có việc làm, hãy trả lời cho công việc nào kéo dài nhất kể từ mùng 1 tháng 1 năm 2025. Nếu người này đã làm nhiều công việc, hãy trả lời cho công việc nào họ làm nhiều giờ nhất.

54. a) Trong công việc này, người này đã thường xuyên sử dụng (những) ngôn ngữ nào?

Tùy chọn trả lời 1: Tiếng Anh
Tùy chọn trả lời 2: Tiếng Pháp

Trường điền vào: (Những) ngôn ngữ khác—xin nêu rõ

Nếu người này chỉ nêu một ngôn ngữ ở câu hỏi số 54. a), hãy chuyển đến câu hỏi số 55.

54. b) Trong số các ngôn ngữ này, người này đã sử dụng ngôn ngữ nào thường xuyên nhất trong công việc này?

Chỉ kê nhiều ngôn ngữ nếu chúng được nói ở mức như nhau trong công việc.

Tùy chọn trả lời 1: Tiếng Anh
Tùy chọn trả lời 2: Tiếng Pháp
Trường điền vào: Ngôn ngữ khác—xin nêu rõ

Những câu hỏi này chỉ dành cho những người từ 15 tuổi trở lên mà có việc làm hoặc đã vắng mặt tại nơi làm việc hoặc công ty trong tuần lễ từ Chủ Nhật, mùng 3 tháng 5 đến Thứ Bảy, mùng 9 tháng 5 năm 2026.

55. Trong một tuần làm việc thông thường, người này làm việc tại địa điểm nào sau đây?

Hãy chọn các lựa chọn phù hợp.

Nếu người này đã làm nhiều công việc, hãy trả lời cho công việc nào họ làm nhiều giờ nhất.

Xin nêu rõ cộng đồng, khu đô thị hoặc khu bảo tồn của người First Nations thay vì tên của bộ tộc First Nation.

Ví dụ:

- Lac Brochet 197A, Manitoba, thay vì Northlands Denesuline First Nation
- Wabamun 133A, Alberta, thay vì Paul First Nation
- Fort Providence, Northwest Territories, thay vì Deh Gáh Got'ie Dene First Nation
- Fort Hope 64, Ontario, thay vì Eabametoong First Nation
- Mingan, Quebec, thay vì Les Innus de Ekuanitshit.

Đối với những người có nơi làm việc khác với nhà, xin ghi rõ địa chỉ. Nếu không biết địa chỉ hoặc nếu địa chỉ là hộp thư bưu điện, hãy ghi rõ tòa nhà hoặc ngã tư đường gần nhất. Không ghi số hộp thư.

Nếu địa chỉ nơi làm việc khác với địa chỉ của người sử dụng lao động, vui lòng ghi địa chỉ nơi người này thực sự làm việc. Ví dụ, giáo viên phải ghi địa chỉ trường học của mình, chứ không phải địa chỉ của phòng giáo dục.

Tùy chọn trả lời 1: Làm việc tại nhà (bao gồm cả nông trại) → Chuyển đến câu hỏi số 58

Tùy chọn trả lời 2: Làm việc ở ngoài Canada → Chuyển đến câu hỏi số 58

Tùy chọn trả lời 3: Không có địa điểm làm việc cố định → Tiếp tục trả lời câu hỏi tiếp theo

Tùy chọn trả lời 4: Làm việc tại một địa điểm cố định khác với nhà như được ghi dưới đây

Trường điền vào: Địa chỉ

Trường điền vào: Thành phố, khu đô thị, thị trấn, làng hoặc khu bảo tồn của người First Nations xem ví dụ)

Tỉnh bang hoặc vùng lãnh thổ

Tùy chọn trả lời 1: Newfoundland and Labrador

Tùy chọn trả lời 2: Prince Edward Island

Tùy chọn trả lời 3: Nova Scotia
Tùy chọn trả lời 4: New Brunswick
Tùy chọn trả lời 5: Quebec
Tùy chọn trả lời 6: Ontario
Tùy chọn trả lời 7: Manitoba
Tùy chọn trả lời 8: Saskatchewan
Tùy chọn trả lời 9: Alberta
Tùy chọn trả lời 10: British Columbia
Tùy chọn trả lời 11: Yukon
Tùy chọn trả lời 12: Northwest Territories
Tùy chọn trả lời 13: Nunavut

Trường điền vào: Mã bưu chính

56. a) Trong một tuần làm việc thông thường, người này sử dụng những phương tiện di chuyển nào để đi làm?

Những người làm việc kết hợp hãy trả lời cho những ngày họ đi làm.

Hãy chọn "Subway or elevated rail" (Tàu điện ngầm hoặc xe điện trên cao) cho:

- Vancouver SkyTrain
- Tàu điện ngầm Toronto
- Montréal Metro

Hãy chọn "Light rail, streetcar or commuter train" (Đường sắt nhẹ, xe điện hoặc xe lửa vé tháng) cho:

- Vancouver West Coast Express
- Calgary CTrain
- Edmonton LRT
- Xe điện Toronto
- Toronto GO Train
- Ottawa O-Train
- Xe lửa nội thành Montréal
- Montréal REM
- Kitchener-Waterloo ION LRT

Xin chọn tất cả các lựa chọn phù hợp.

Tùy chọn trả lời 1: Xe hơi, xe tải hoặc xe van—là người lái

Tùy chọn trả lời 2: Xe hơi, xe tải hoặc xe van—là hành khách

Tùy chọn trả lời 3: Xe buýt

Tùy chọn trả lời 4: Tàu điện ngầm hoặc xe điện trên cao

Tùy chọn trả lời 5: Đường sắt nhẹ, xe điện hoặc xe lửa vé tháng

Tùy chọn trả lời 6: Phà chở khách

Tùy chọn trả lời 7: Đi bộ đi làm

Tùy chọn trả lời 8: Xe đạp, xe đạp điện hoặc xe máy điện

Tùy chọn trả lời 9: Xe máy, xe tay ga hoặc xe gắn máy

Tùy chọn trả lời 10: Phương pháp khác (ví dụ: xe địa hình và xe trượt tuyết, máy bay, thuyền)

56. b) Trong một tuần làm việc thông thường, người này sử dụng phương tiện di chuyển chính nào để đi làm?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Những người làm việc kết hợp hãy trả lời cho những ngày họ đi làm.

Nếu người này sử dụng nhiều phương tiện di chuyển để đi làm, hãy chọn phương tiện nào được sử dụng nhiều nhất trên đường đi làm.

Tùy chọn trả lời 1: Xe hơi, xe tải hoặc xe van—là người lái → Chuyển đến câu hỏi số 56. c)

Tùy chọn trả lời 2: Xe hơi, xe tải hoặc xe van—là hành khách → Chuyển đến câu hỏi số 56. c)

Tùy chọn trả lời 3: Xe buýt → Chuyển đến câu hỏi 57. a)

Tùy chọn trả lời 4: Tàu điện ngầm hoặc xe điện trên cao → Chuyển đến câu hỏi số 57. a)

Tùy chọn trả lời 5: Đường sắt nhẹ, xe điện hoặc xe lửa vé tháng → Chuyển đến câu hỏi số 57. a)

Tùy chọn trả lời 6: Phà chở khách → Chuyển đến câu hỏi số 57. a)

Tùy chọn trả lời 7: Đi bộ đi làm → Chuyển đến câu hỏi số 57. a)

Tùy chọn trả lời 8: Xe đạp, xe đạp điện hoặc xe máy điện → Chuyển đến câu hỏi số 57. a)

Tùy chọn trả lời 9: Xe máy, xe tay ga hoặc xe gắn máy → Chuyển đến câu hỏi số 57.
a)

Tùy chọn trả lời 10: Phương tiện khác → Chuyển đến câu hỏi số 57. a)

56. c) Có bao nhiêu công nhân, bao gồm cả người này, thường đi cùng xe hơi, xe tải hoặc xe van đến nơi làm việc?

Tùy chọn trả lời 1: 1 công nhân

Tùy chọn trả lời 2: 2 công nhân

Tùy chọn trả lời 3: 3 công nhân trở lên

57. a) Người này thường bắt đầu đi làm vào lúc mấy giờ?

Những người làm việc kết hợp hãy trả lời cho những ngày họ đi làm.

Tùy chọn trả lời 1: Giờ giấc thông thường

Xin nêu rõ người này thường rời nhà đi làm vào lúc mấy giờ

Trường điền vào: Ghi giờ

Trường điền vào: Ghi phút

Tùy chọn trả lời 1: sáng

Tùy chọn trả lời 2: chiều

Tùy chọn trả lời 2: Không có giờ giấc thông thường (ví dụ, công nhân làm theo ca)

57. b) Chuyển đi đến chỗ làm của người này thường kéo dài bao nhiêu phút?

Những người làm việc kết hợp hãy trả lời cho những ngày họ đi làm.

Trường điền vào: Số phút

HOẶC

Tùy chọn trả lời: Thời lượng không thông thường

58. Người này đã đi làm công ăn lương hoặc tự kinh doanh trong bao nhiêu tuần trong năm 2025?

Một năm có 52 tuần.

Bao gồm:

- những đợt nghỉ phép và nghỉ bệnh có lương
- những tuần làm việc bán thời gian, mặc dù chỉ làm vài giờ.

Không bao gồm:

- những tuần vắng mặt không được trả lương, chẳng hạn như nghỉ thai sản, nghỉ để chăm con hoặc nghỉ vì bị tàn tật, v.v.

Tùy chọn trả lời: Không tuần nào → Tiếp tục trả lời câu hỏi số 60

HOẶC

Trường điền vào: Số tuần đã làm việc (bao gồm những đợt nghỉ phép và nghỉ bệnh có lương và không bao gồm những đợt vắng mặt không được trả lương, chẳng hạn như nghỉ thai sản, nghỉ để chăm con hoặc nghỉ vì bị tàn tật, v.v.) → Chuyển đến câu hỏi số 59 nếu bạn trả lời từ 1 tuần trở lên cho người này.

59. Trong năm 2025, người này đã làm việc chủ yếu là toàn thời gian hay bán thời gian?

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: Toàn thời gian (30 giờ trở lên mỗi tuần)

Tùy chọn trả lời 2: Bán thời gian (dưới 30 giờ mỗi tuần)

Câu hỏi số 60 chỉ dành cho những người từ 13 tuổi trở xuống (sinh sau ngày 12 tháng 5 năm 2012).

60. Trong năm 2025, người này có thường xuyên được gửi vào bất cứ cơ sở giữ trẻ nào không (ví dụ như nhà trẻ, dịch vụ trông trẻ tại nhà hoặc các hình thức giữ trẻ có mất phí hoặc miễn phí khác)?

Bao gồm các chương trình trước hoặc sau giờ học và dịch vụ trông trẻ thường xuyên do người thân hoặc người khác cung cấp.

Không bao gồm những trường hợp được cha mẹ hoặc người giám hộ trông, đi học, thỉnh thoảng được ai đó trông trong ngày nghỉ học, và học tại nhà.

Tùy chọn trả lời 1: Có

Xin nêu rõ tổng số tiền mà hộ gia đình bạn đã trả cho dịch vụ trông trẻ này trong năm 2025.

Đừng tính trùng lặp bất cứ khoản tiền nào mà đã được kê.

Nếu hộ gia đình bạn sử dụng dịch vụ trông trẻ mà không phải trả phí (nhà trẻ được trợ cấp toàn phần, dịch vụ trông trẻ do người thân cung cấp, v.v.), hãy ghi rõ "\$0 – đã sử dụng dịch vụ trông trẻ miễn phí".

Trường điền vào: Tổng số tiền đã chi trả cho việc trông trẻ trong năm 2025

HOẶC

Tùy chọn trả lời: \$0 – đã sử dụng dịch vụ trông trẻ miễn phí

Tùy chọn trả lời 2: Không

Câu hỏi số 61 và 62 chỉ dành cho những người từ 15 tuổi trở lên (sinh trước ngày 12 tháng 5 năm 2011).

61. Trong năm 2025, người này có phải trả tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng cho vợ/chồng hoặc bạn đời cũ không?

Tiền cấp dưỡng được trả theo một thỏa thuận thanh toán một khoản tiền cố định theo định kỳ. Không tính mọi hình thức tặng quà hoặc chuyển tiền khác. Chỉ tính các khoản tiền cấp dưỡng thực sự đã trả.

Xin trả lời "Có" hoặc "Không". Nếu "Có", hãy ghi thêm tổng số tiền đã trả trong năm 2025.

Tùy chọn trả lời 1: Có

Trường điền vào: Tổng số đô la đã trả trong năm 2025

Tùy chọn trả lời 2: Không

62. Người này có trả, một phần hoặc toàn bộ, tiền thuê nhà hoặc vay thế chấp, thuế, tiền điện, v.v. cho nơi cư ngụ này không?

Hãy chọn "Có" nếu người này trả tiền thuê nhà hoặc vay thế chấp, thuế, tiền điện, v.v. cho nơi cư ngụ này, mặc dù có nhiều người đóng góp vào các khoản thanh toán đó.

Một nơi cư ngụ là một không gian sống riêng biệt mà có một lối vào riêng từ bên ngoài hoặc từ một hành lang hoặc cầu thang chung bên trong tòa nhà. Lối vào này không đi xuyên qua không gian sống của người khác.

Không tính các khoản thanh toán cho những nơi cư ngụ khác (ký túc xá của con cái, nơi ở của vợ/chồng cũ, một nơi ở khác mà bạn có thể sở hữu hoặc thuê, v.v.).

Tùy chọn trả lời 1: Có

Tùy chọn trả lời 2: Không

Bước E

Xin trả lời các câu hỏi từ E1 đến E9 về nơi cư ngụ này.

Các câu hỏi này hỏi về ngày 12 tháng 5 năm 2026, trừ khi có hướng dẫn khác.

Một nơi cư ngụ là một không gian sống riêng biệt mà có một lối vào riêng từ bên ngoài hoặc từ một hành lang hoặc cầu thang chung bên trong tòa nhà. Lối vào này không đi xuyên qua không gian sống của người khác.

Chỉ trả lời câu hỏi E1 a) nếu bạn đang ở trong một khu bảo tồn hoặc khu định cư của người First Nations. Nếu không phải, hãy chuyển đến câu hỏi E1 b).

E1. a) Nơi cư ngụ này có phải là đã được chính quyền địa phương hoặc bộ tộc First Nation cấp cho bạn hoặc một thành viên trong hộ gia đình này không?

Tùy chọn trả lời 1: Có → Chuyển đến E2

Tùy chọn trả lời 2: Không → Chuyển đến E1 b)

E1. b) Nơi cư ngụ này có phải là:

Chỉ chọn một lựa chọn.

Tùy chọn trả lời 1: thuộc quyền sở hữu của bạn hoặc một thành viên trong hộ gia đình này không (ngay cả khi nó vẫn đang được trả)?

Tùy chọn trả lời 2: đang được thuê không (ngay cả khi không cần phải trả tiền thuê nhà)?

E2. Nơi cư ngụ này có phải nằm trong một khu chung cư không?

Tùy chọn trả lời 1: Có

Tùy chọn trả lời 2: Không

E3. a) Nơi cư ngụ này có mấy phòng?

Tính cả phòng bếp, phòng ngủ, các phòng đã hoàn thiện trên tầng áp mái hoặc tầng hầm, v.v.

Không tính phòng vệ sinh, sảnh, tiền sảnh và các phòng chỉ để làm việc.

Trường điền vào: Xin nêu rõ bao nhiêu phòng

E3. b) Có bao nhiêu phòng trong số này là phòng ngủ?

Tính tất cả các phòng đã được xây để làm phòng ngủ, mặc dù chúng đang được dùng cho mục đích khác. Tính cả các phòng ngủ dưới tầng hầm.

Trường điền vào: Xin nêu rõ bao nhiêu phòng ngủ

E4. Nơi cư ngụ này được xây dựng lần đầu tiên vào khi nào?

Xin nêu rõ thời gian lúc tòa nhà được hoàn thành chứ không phải những đợt tân trang, bổ sung hay chuyển đổi sau này. Nếu không biết năm nào, hãy cho biết ước tính chính xác nhất.

- Tùy chọn trả lời 1: 1920 về trước
- Tùy chọn trả lời 2: 1921 đến 1945
- Tùy chọn trả lời 3: 1946 đến 1960
- Tùy chọn trả lời 4: 1961 đến 1970
- Tùy chọn trả lời 5: 1971 đến 1980
- Tùy chọn trả lời 6: 1981 đến 1990
- Tùy chọn trả lời 7: 1991 đến 1995
- Tùy chọn trả lời 8: 1996 đến 2000
- Tùy chọn trả lời 9: 2001 đến 2005
- Tùy chọn trả lời 10: 2006 đến 2010
- Tùy chọn trả lời 11: 2011 đến 2015
- Tùy chọn trả lời 12: 2016 đến 2020
- Tùy chọn trả lời 13: 2021 đến 2025
- Tùy chọn trả lời 14: 2026

E5. Nơi cư ngụ này có cần phải sửa chữa gì không?

Không tính những kế hoạch tân trang hay bổ sung muốn làm.

- Tùy chọn trả lời 1: Không, chỉ cần bảo trì thường xuyên (sơn, vệ sinh lò sưởi, v.v.)
- Tùy chọn trả lời 2: Có, cần phải sửa chữa nhỏ (gạch lát sàn, gạch tường hoặc ngói bị mất hoặc lỏng; bậc thang, lan can hoặc vách ngoài bị lỗi; v.v.)
- Tùy chọn trả lời 3: Có, cần phải sửa chữa lớn (hệ thống đường ống nước hoặc dây điện bị lỗi; sửa chữa cấu trúc như tường, sàn hoặc trần, v.v.)

Xin trả lời các câu hỏi từ E6 đến E9 cho nơi cư ngụ này mặc dù bạn đang sở hữu hoặc thuê nhiều nơi cư ngụ.

Nếu không biết số tiền chính xác, vui lòng cho biết ước tính chính xác nhất.

E6. a) Đối với nơi cư ngụ này, khoản chi phí hàng năm (trong 12 tháng qua) cho điện là bao nhiêu?

Tùy chọn trả lời 1: Không có chi phí

Tùy chọn trả lời 2: Được bao trong tiền thuê nhà hoặc các khoản thanh toán khác

HOẶC

Trường điền vào: Tổng số tiền mỗi năm tính bằng đô la

E6. b) Đối với nơi cư ngụ này, khoản chi phí hàng năm (trong 12 tháng qua) cho dầu, khí đốt, than, củi hoặc các loại nhiên liệu khác là bao nhiêu?

Tùy chọn trả lời 1: Không có chi phí

Tùy chọn trả lời 2: Được bao trong tiền thuê nhà hoặc các khoản thanh toán khác

HOẶC

Trường điền vào: Tổng số tiền mỗi năm tính bằng đô la

E6. c) Đối với nơi cư ngụ này, khoản chi phí hàng năm (trong 12 tháng qua) cho nước và các dịch vụ xã hội đô thị khác là bao nhiêu?

Tùy chọn trả lời 1: Không có chi phí

Tùy chọn trả lời 2: Được bao trong tiền thuê nhà hoặc các khoản thanh toán khác

HOẶC

Trường điền vào: Tổng số tiền mỗi năm tính bằng đô la

Nếu bạn trả lời “Có” ở câu hỏi E1 a), hãy chuyển đến câu hỏi E9.

Nếu bạn trả lời “thuê” ở câu hỏi E1 b), hãy tiếp tục trả lời câu hỏi E7.

Nếu bạn trả lời “sở hữu” ở câu hỏi E1 b), hãy chuyển đến câu hỏi E8.

E7. Chỉ dành cho người đang thuê nhà, hãy trả lời phần E7. a) và E7. b):

a) Khoản tiền thuê nhà hàng tháng cho nơi cư ngụ này là bao nhiêu?

Tùy chọn trả lời: Thuê không trả bằng tiền mặt

HOẶC

Trường điền vào: Tổng số tiền hàng tháng tính bằng đô la

E7. b) Nơi cư ngụ này có được trợ cấp không?

Nhà ở được trợ cấp bao gồm những nơi tính tiền thuê nhà theo mức thu nhập, nhà ở xã hội, nhà ở công cộng, nhà ở do chính phủ hỗ trợ, nhà ở phi lợi nhuận, phụ cấp tiền thuê nhà và trợ cấp nhà ở.

Tùy chọn trả lời 1: Có

Tùy chọn trả lời 2: Không

E8. Chỉ dành cho chủ nhà, hãy trả lời các phần từ E8. a) đến E8. e):

a) Tổng số tiền trả góp hàng tháng thông thường cho khoản vay hoặc thế chấp của nơi cư ngụ này là bao nhiêu?

Tùy chọn trả lời: Không có → Chuyển đến phần c)

HOẶC

Trường điền vào: Tổng số tiền hàng tháng tính bằng đô la

E8. b) Số tiền trả góp hàng tháng cho khoản vay hoặc thế chấp ở câu hỏi trước có bao gồm cả thuế tài sản (thuế thành phố và thuế trường học) không?

Tùy chọn trả lời 1: Có → Chuyển đến phần d)

Tùy chọn trả lời 2: Không

E8. c) Mức thuế tài sản hàng năm (thuế thành phố và thuế trường học) của nơi cư ngụ này được ước tính là bao nhiêu?

Tùy chọn trả lời: Không có

HOẶC

Trường điền vào: Tổng số tiền mỗi năm tính bằng đô la

E8. d) Nếu bạn bán nơi cư ngụ này ngay bây giờ, bạn dự kiến sẽ bán được với giá bao nhiêu?

Trường điền vào: Tổng số tiền bằng đô la

E8. e) Phí dịch vụ chung cư hàng tháng là bao nhiêu?

Tùy chọn trả lời: Không có

HOẶC

Trường điền vào: Tổng số tiền hàng tháng tính bằng đô la

E9. Chỉ dành cho những nơi cư ngụ do chính quyền địa phương hoặc bộ tộc First Nation cấp:

Khoản tiền thuê nhà hàng tháng mà bạn hay các thành viên trong gia đình bạn phải trả để sử dụng hoặc cư trú tại nơi cư ngụ này là bao nhiêu?

Tùy chọn trả lời: Sử dụng hoặc chiếm dụng mà không phải trả tiền

HOẶC

Trường điền vào: Tổng số tiền hàng tháng tính bằng đô la

Bước F

Bây giờ bạn đã hoàn thành bảng câu hỏi.

Một người đại diện điều tra dân số sẽ trở lại để thu thập bảng câu hỏi đã hoàn thành.

Xin cảm ơn sự hợp tác của bạn.

Nhận xét

Vui lòng sử dụng khoảng trống bên dưới nếu bạn có thắc mắc, đề xuất hoặc nhận xét gì về:

- các bước hướng dẫn hay nội dung của bảng câu hỏi này (ví dụ như có một câu hỏi nào khó hiểu hoặc khó trả lời)
- các đặc điểm của bảng câu hỏi này (ví dụ như thiết kế, định dạng, kích cỡ của chữ).

Pháp luật bảo vệ các thông tin mà bạn cung cấp cho chúng tôi

Tính bảo mật của các câu trả lời của bạn đã được pháp luật bảo vệ. Tất cả các nhân viên của Cơ quan Thống kê Canada đều đã tuyên thệ giữ bí mật. Thông tin cá nhân của bạn không thể được tiết lộ cho bất kỳ ai bên ngoài Cơ quan Thống kê Canada nếu không có sự đồng ý của bạn. Đây là quyền lợi của bạn.

Phần 2

Điều tra dân số là gì?

Cuộc điều tra dân số cung cấp một bức chân dung thống kê về đất nước và người dân. Ở Canada, mọi cư dân đều bắt buộc phải tham gia vào cuộc điều tra dân số.

Cuộc điều tra dân số thu thập thông tin về tình hình nhân khẩu, xã hội và kinh tế của người dân trên khắp Canada, cũng như nơi cư ngụ của họ. Trong năm 2026, một mẫu gồm 25% số hộ gia đình ở Canada sẽ nhận được bảng câu hỏi phiên bản đầy đủ. Các hộ gia đình còn lại sẽ nhận được bảng câu hỏi mẫu ngắn.

Tại sao cuộc Điều tra dân số năm 2026 lại là quan trọng?

Điều tra dân số là một trong những nguồn thông tin quan trọng nhất đối với đất nước chúng ta. Thông tin từ cuộc điều tra dân số sẽ được các tầng lớp chính phủ, doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức cộng đồng và nhiều nhóm khác sử dụng để đưa ra các quyết định quan trọng đối với cộng đồng, tỉnh bang hoặc lãnh thổ của bạn, và cả nước.

Thông tin bạn cung cấp sẽ được xử lý như thế nào?

Thông tin bạn cung cấp sẽ được bảo mật theo *Đạo luật Thống kê*. Cơ quan Thống kê Canada có thể sẽ sử dụng những thông tin mà bạn cung cấp cho các mục đích thống kê và nghiên cứu khác hoặc có thể kết hợp chúng với các nguồn dữ liệu khảo sát hoặc hành chính khác. Không ai bên ngoài Cơ quan Thống kê Canada có thể lấy được thông tin mà có thể xác định được danh tính của một cá nhân.

Vai trò của bạn

Dữ liệu điều tra dân số là rất quan trọng đối với cộng đồng của bạn để lập kế hoạch về trường học, nhà trẻ, nhà ở, bệnh viện, dịch vụ khẩn cấp, đường sá, phương tiện giao thông công cộng, đào tạo kỹ năng việc làm, v.v. Thông tin mà bạn cung cấp sẽ giúp đảm bảo cuộc Điều tra dân số năm 2026 phản ánh chính xác tình trạng xã hội đang thay đổi của Canada.

Tại sao chúng tôi đặt ra các câu hỏi này

BƯỚC A – Chúng tôi cần có số điện thoại của bạn để liên lạc với bạn trong trường hợp bảng câu hỏi của bạn còn thiếu thông tin. Chúng tôi cần có địa chỉ của bạn, cũng như địa chỉ nhận thư của bạn, để đảm bảo mọi nơi cư ngụ đều được kiểm đếm.

BƯỚC B và C – Các bước này giúp bạn quyết định nên hay không nên liệt kê những ai trên bảng câu hỏi của bạn. Chúng giúp chúng tôi đảm bảo rằng chúng tôi đã đếm tất cả những ai cần đếm và không ai bị đếm hai lần.

BƯỚC D – Các chỗ trống trong câu hỏi số 1 ở đầu trang 4 cho phép bạn sao chép các tên từ Bước B.

THÔNG TIN NHÂN KHẨU CƠ BẢN – Các câu hỏi từ số 2 đến 7 cung cấp thông tin về các đặc điểm nhân khẩu học của người dân Canada. Thông tin này sẽ được mọi tầng lớp chính quyền sử dụng để đưa ra các quyết định quan trọng, chẳng hạn như lập kế hoạch cho các dịch vụ cộng đồng và chương trình xã hội, bao gồm An sinh tuổi già và Trợ cấp trẻ em Canada. Các thành phố cũng sẽ sử dụng nó để lập kế hoạch cho nhiều dịch vụ khác nhau, chẳng hạn như chăm sóc trẻ em, trường học, bệnh viện và dịch vụ khẩn cấp.

NGÔN NGỮ – Các câu hỏi từ số 8 đến 10 và 22 sẽ được sử dụng để cung cấp thông tin về sự đa dạng ngôn ngữ của dân chúng Canada. Thông tin này sẽ được sử dụng để ước tính nhu cầu về các dịch vụ bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, đồng thời để hiểu rõ hơn về tình hình hiện tại và quá trình phát triển của các nhóm ngôn ngữ khác nhau của Canada, bao gồm các ngôn ngữ chính thức, các ngôn ngữ bản địa và các ngôn ngữ không chính thức khác. Câu hỏi số 54 thu thập thông tin về các ngôn ngữ được sử dụng trong công việc.

NGÔN NGỮ GIẢNG DẠY – Các câu hỏi từ số 11 đến 16 sẽ được sử dụng để thu thập thông tin theo *Hiến Chương về Quyền và Tự Do của Canada* để hỗ trợ các chương trình giáo dục bằng tiếng Anh và tiếng Pháp tại Canada.

CÁC HOẠT ĐỘNG SINH HOẠT HÀNG NGÀY – Câu hỏi số 17 cung cấp thông tin về những người ở Canada mà có thể gặp khó khăn khi thực hiện một số hoạt động nhất định, bao gồm những người có thể có những tình trạng thể chất, tinh thần, hoặc các vấn đề sức khỏe dài hạn khác. Thông tin này sẽ được sử dụng để xác định những ai có khả năng có khuyết tật. Cơ quan Thống kê Canada sau đó sẽ có thể tiến hành thêm một cuộc khảo sát chi tiết hơn.

SỨC KHỎE TỔNG QUÁT – Câu hỏi số 18 tìm kiếm thông tin về tình trạng sức khỏe của người dân Canada để giúp cho việc thành lập các chính sách, chương trình và dịch vụ cho hệ thống chăm sóc sức khỏe. Sức khỏe tổng quát là một chỉ số phản ánh tình trạng sức khỏe tổng thể. Sức khỏe tổng quát nói về sự nhận xét về sức khỏe nói chung của một người, từ chính người đó hoặc từ một người trong hộ gia đình mà đang hoàn thành bảng câu hỏi điều tra dân số.

NƠI SINH – Các câu hỏi số 19 và 20 cho chúng tôi biết nơi sinh của mọi người và của cha mẹ họ. Chúng cung cấp thông tin về sự đa dạng của dân số Canada, và về sự di chuyển của người dân trong Canada và từ các nước khác đến Canada. Thông tin này cũng sẽ được sử dụng để đánh giá về điều kiện xã hội và kinh tế của những

người Canada thế hệ thứ hai, và giúp chúng tôi hiểu được lịch sử di dân của Canada.

QUỐC TỊCH – Câu hỏi số 21 cung cấp thông tin về tình trạng quốc tịch hợp pháp của người dân Canada. Thông tin này sẽ được sử dụng để ước tính số lượng cử tri tiềm năng và để lập kế hoạch cho các lớp học và chương trình về quyền công dân. Ngoài ra, nó còn cung cấp thông tin về nhóm dân số có nhiều quốc tịch.

NGUỒN GỐC SẮC TỘC HOẶC VĂN HÓA – Câu hỏi số 23 cung cấp thông tin về sự đa dạng về sắc tộc và văn hóa tại Canada. Thông tin này sẽ được các hiệp hội, cơ quan và các nhà nghiên cứu sử dụng cho các hoạt động như nâng cao sức khỏe, truyền thông và các chương trình hỗ trợ xã hội.

CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA – Các câu hỏi số 24 và từ 26 đến 29 cung cấp những thông tin mà sẽ được các cộng đồng bản địa, các tổ chức và tầng lớp chính quyền sử dụng để phát triển các chương trình và dịch vụ dành cho người dân First Nations, Métis và Inuit.

CÁC NHÓM DÂN SỐ (CÁC NHÓM THIỂU SỐ HỮU HÌNH) – Câu hỏi số 25 thu thập dữ liệu mà sẽ được các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp, nhóm cộng đồng, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nhà nghiên cứu và nhiều tổ chức khác trên khắp cả nước sử dụng để hỗ trợ cho các chương trình nhằm thúc đẩy cơ hội bình đẳng cho mọi dân chúng để tất cả cùng nhau tận hưởng đời sống xã hội, văn hóa và kinh tế của Canada.

TÔN GIÁO – Câu hỏi số 30 cung cấp thông tin về niềm tin vào tôn giáo và sự đa dạng của tôn giáo. Thông tin này sẽ được sử dụng để tăng cường sự hiểu biết về những thay đổi trong xã hội Canada, cũng như để lập kế hoạch cho các cơ sở vật chất và dịch vụ trong các cộng đồng đa dạng.

KINH NGHIỆM TRONG QUÂN ĐỘI CANADA – Câu hỏi số 31 cung cấp thông tin về số lượng người có kinh nghiệm phục vụ trong quân đội Canada. Các chính phủ sẽ sử dụng thông tin này để phát triển các chương trình và dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu luôn thay đổi của nhóm dân số Cựu chiến binh.

SỰ DI CHUYỂN – Các câu hỏi số 32 và 33 cho chúng tôi biết cư dân Canada đang di chuyển từ đâu và đến đâu. Thông tin này sẽ được sử dụng để xem xét các đặc điểm của những người đã di chuyển và để xác định nhu cầu về các dịch vụ nhà ở, giáo dục, y tế, giao thông và dịch vụ xã hội.

VÔ GIA CƯ – Câu hỏi số 34 và 35 cung cấp thông tin về trải nghiệm của dân chúng về tình trạng vô gia cư và những khó khăn khác về nhà ở trong 12 tháng qua. Thông tin này sẽ được các tổ chức và chính phủ sử dụng để hỗ trợ các cộng đồng giải quyết tình trạng vô gia cư.

XU HƯỚNG TÌNH DỤC – Câu hỏi số 36 thu thập dữ liệu mà sẽ được các chính phủ, doanh nghiệp, nhóm cộng đồng, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nhà nghiên cứu và nhiều tổ chức khác trên khắp cả nước sử dụng để hỗ trợ cho các chương trình nhằm thúc đẩy cơ hội bình đẳng cho mọi dân chúng để tất cả cùng nhau tận hưởng đời sống xã hội, văn hóa và kinh tế của Canada. Những dữ liệu này cũng sẽ được sử dụng để hỗ trợ luật pháp chẳng hạn như *Đạo luật Nhân quyền Canada*, trong đó có nêu rõ xu hướng tình dục là một trong những căn cứ phân biệt đối xử bị cấm.

GIÁO DỤC – Các câu hỏi từ số 37 đến 41 cung cấp thông tin về trình độ giáo dục, đào tạo và tình trạng học hành gần đây của cư dân Canada. Các chính phủ sử dụng thông tin này để phát triển chương trình huấn luyện và các chương trình khác nhằm đáp ứng các nhu cầu đang thay đổi của lực lượng lao động và của các nhóm dân cư thể như người dân First Nations, Métis, Inuit, người nhập cư và thanh thiếu niên.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG – Các câu hỏi từ số 42 đến 53, 58 và 59 cung cấp thông tin về lực lượng lao động của Canada, bao gồm ngành nghề và nghề nghiệp của người dân. Thông tin việc làm được sử dụng để đánh giá điều kiện kinh tế của các cộng đồng và các nhóm dân cư thể, chẳng hạn như người dân First Nations, Métis, Inuit và người nhập cư. Thông tin về ngành nghề và nghề nghiệp sẽ được sử dụng để dự báo cơ hội việc làm.

PHƯƠNG TIỆN ĐI LÀM – Các câu hỏi từ số 55 đến 57 cho chúng tôi biết mọi người làm việc ở đâu và họ đi làm bằng cách nào. Thông tin này sẽ được sử dụng để đánh giá các mô hình phương tiện đi lại, nhu cầu giao thông công cộng và sử dụng năng lượng. Thông tin về phương tiện đi lại cũng sẽ giúp xác định vị trí của các bệnh viện, trường học, nhà trẻ và cơ sở giải trí mới, cũng như nhu cầu về đường sá và các mạng lưới giao thông khác.

CÁC KHOẢN CHI PHÍ – Câu hỏi số 60 và 61 cung cấp thông tin về các chi phí liên quan đến việc chăm sóc trẻ em và thanh toán trợ cấp. Cùng với thông tin thu nhập thu được từ dữ liệu thuế thu nhập cá nhân và phúc lợi, những câu hỏi này sẽ được sử dụng để tính mức thu nhập khả dụng nhằm đo lường mức độ nghèo đói ở Canada. Thông tin này cũng sẽ được sử dụng để nâng cao sự hiểu biết về việc sử dụng dịch vụ chăm sóc trẻ em và vai trò của các khoản thanh toán hỗ trợ trong xã hội Canada.

NHÀ Ở – Câu hỏi số 62 và Bước E cung cấp thông tin mà sẽ được sử dụng để phát triển các cộng đồng và dự án nhà ở. Thông tin về số phòng và phòng ngủ trong các gia đình và về các chi phí nhà ở sẽ được sử dụng để đánh giá mức độ đông đúc trong các nơi cư ngụ và khả năng chi trả cho nhà ở. Những chỉ số đó sẽ được vô số các tổ chức sử dụng để giúp phát triển các chương trình nhà ở để hỗ trợ cho nhu cầu nhà ở của người dân Canada. Thông tin về độ tuổi của các nơi cư ngụ và nhu cầu sửa chữa sẽ được các thành phố sử dụng để phát triển các chương trình cải thiện khu phố.